

Số: 75 /2021/QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 27 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về hỗ trợ khám, chữa bệnh cho người nghèo trên địa bàn tỉnh Bắc Giang và Mẫu số 01, Mẫu số 02 ban hành kèm theo Quyết định số 362/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế;

Căn cứ Thông tư số 04/2017/TT-BYT ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục và tỷ lệ, điều kiện thanh toán đối với vật tư y tế thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia bảo hiểm y tế;

Căn cứ Thông tư số 30/2018/TT-BYT ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục và tỷ lệ, điều kiện thanh toán đối với thuốc hóa dược, sinh phẩm, thuốc phóng xạ và chất đánh dấu thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia bảo hiểm y tế;

Căn cứ Quyết định số 139/2002/QĐ-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc khám, chữa bệnh cho người nghèo;

Căn cứ Quyết định số 14/2012/QĐ-TTg ngày 01 tháng 3 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 139/2002/QĐ-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về khám, chữa bệnh cho người nghèo;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 33/2013/TTLT-BYT-BTC ngày 18 tháng 10 năm 2013 của Bộ trưởng Y tế, Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn tổ chức thực hiện Quyết định số 14/2012/QĐ-TTg ngày 01 tháng 3 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung

một số điều của Quyết định số 139/2002/QĐ-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về khám, chữa bệnh cho người nghèo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 338/TTr-SYT ngày 15 tháng 12 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về hỗ trợ khám, chữa bệnh cho người nghèo trên địa bàn tỉnh Bắc Giang và Mẫu số 01, Mẫu số 02 ban hành kèm theo Quyết định số 362/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND tỉnh Bắc Giang

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 2 như sau:

“2. Cơ sở y tế của nhà nước thực hiện hoạt động hỗ trợ theo Quy định này là các cơ sở y tế từ tuyến huyện trở lên, bao gồm: Trung tâm y tế cấp huyện, bệnh viện đa khoa, bệnh viện chuyên khoa tuyến tỉnh, bệnh viện ngoại tỉnh và bệnh viện tuyến Trung ương (sau đây viết tắt là cơ sở y tế công lập).”.

2. Sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 3 như sau:

“b) Tự lựa chọn cơ sở khám, chữa bệnh tại các bệnh viện tuyến Trung ương hoặc khám, chữa bệnh theo yêu cầu (trừ trường hợp cấp cứu).”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, điểm a khoản 4 Điều 4 như sau:

“3. Hỗ trợ một phần chi phí khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế mà các đối tượng quy định tại điểm a, b và c khoản 1 Điều 2 của Quy định này, nếu mắc các bệnh thuộc quy định tại điểm d khoản 1 Điều 2 của Quy định này, mức hỗ trợ bằng 100% số tiền người bệnh phải tự trả khi sử dụng các thuốc, vật tư y tế áp dụng tỷ lệ thanh toán theo quy định của Thông tư số 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục và tỷ lệ, điều kiện thanh toán đối với vật tư y tế thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia bảo hiểm y tế (sau đây viết tắt là Thông tư số 04/2017/TT-BYT), Thông tư số 30/2018/TT-BYT ngày 30/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục và tỷ lệ, điều kiện thanh toán đối với thuốc hóa dược, sinh phẩm, thuốc phóng xạ và chất đánh dấu thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia bảo hiểm y tế (sau đây viết tắt là Thông tư số 30/2018/TT-BYT) cho một đợt khám, chữa bệnh nhưng tối đa không vượt quá 10.000.000 đồng/đợt điều trị và hỗ trợ không quá 04 lần/người/năm.

4. Hỗ trợ thanh toán một phần chi phí khám bệnh, chữa bệnh của các đối tượng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 2 của Quy định này:

a) Đối với đối tượng có bảo hiểm y tế: Mức hỗ trợ bằng 40% số tiền người bệnh phải đồng chi trả, tự trả khi sử dụng các thuốc, vật tư y tế áp dụng tỷ lệ thanh toán theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế số 25/2008/QH12 ngày 14/11/2008 của Quốc hội, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế số 46/2014/QH13 ngày 13/6/2014 của Quốc hội và các văn bản hướng dẫn, Thông tư số 04/2017/TT-BYT, Thông tư số 30/2018/TT-BYT cho một đợt khám, chữa bệnh nhưng tối đa không vượt quá 10.000.000 đồng/đợt điều trị và hỗ trợ không quá 04 lần/người/năm.”.

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

“Điều 5. Hồ sơ hỗ trợ khám, chữa bệnh

1. Đối với đối tượng được hỗ trợ, hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị hỗ trợ chi phí khám, chữa bệnh (theo Mẫu số 01 thuộc Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này).

b) Bản sao thẻ bảo hiểm y tế còn giá trị sử dụng. Trường hợp chưa được cấp thẻ bảo hiểm y tế thì sử dụng một trong các giấy tờ sau:

Giấy chứng nhận hộ nghèo hoặc Giấy chứng nhận là người dân tộc thiểu số đang sinh sống ở xã, phường, thị trấn thuộc vùng khó khăn theo quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp (đối với các đối tượng tại điểm a và b khoản 1 Điều 2 của Quy định này); Quyết định trợ cấp xã hội của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố theo quy định của pháp luật hoặc Quyết định tiếp nhận đối tượng tại các cơ sở trợ giúp xã hội (đối với các đối tượng tại điểm c khoản 1 Điều 2 của Quy định này).

c) Bảo sao: Giấy chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân hoặc giấy tờ tùy thân có dán ảnh, Giấy khai sinh (trong trường hợp chưa được cấp giấy chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân); Sổ hộ khẩu (trong trường hợp chưa được cấp thẻ căn cước công dân); Giấy ra viện.

Đối tượng phải mang bản chính để người tiếp nhận kiểm tra, đối chiếu.

d) Giấy xác nhận của chính quyền địa phương về hoàn cảnh khó khăn (đối với các đối tượng tại điểm d khoản 1 Điều 2 của Quy định này).

Trường hợp người bệnh điều trị tại các bệnh viện ngoại tỉnh hoặc bệnh viện tuyến trung ương, ngoài các giấy tờ trên thì phải có thêm:

đ) Hóa đơn bán hàng (bản gốc).

e) Hóa đơn người bệnh phải mua vật tư y tế để điều trị (nằm trong danh mục bảo hiểm xã hội thanh toán). Quỹ thanh toán phần đồng chi trả, chứng từ thanh toán là hóa đơn có chứng thực.

g) Bản sao bảng kê chi phí khám bệnh, chữa bệnh (theo Mẫu số 01/KBCB) kèm theo Quyết định 6556/QĐ-BYT ngày 30/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành mẫu bảng kê chi phí khám, chữa bệnh sử dụng tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (sau đây viết tắt là Quyết định 6556/QĐ-BYT) của người bệnh do cơ sở y tế nơi điều trị xác nhận.

2. Đối với cơ sở y tế thực hiện hỗ trợ chi phí khám, chữa bệnh, hồ sơ gồm:

a) Hồ sơ do đối tượng được hỗ trợ cung cấp theo quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Lệnh điều xe và hóa đơn tiền xăng, vé cầu, vé đường bộ (nếu chuyển viện bằng xe ô tô của cơ sở y tế).

c) Bảng kê chi tiết hỗ trợ chi phí khám, chữa bệnh cho người nghèo (theo Mẫu số 02 thuộc phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này) có chữ ký hoặc điểm chỉ trực tiếp của người nhận tiền.

Trường hợp bệnh nhân điều trị tại cơ sở y tế thực hiện hỗ trợ, có thêm:

d) Bản sao bảng kê chi phí khám bệnh, chữa bệnh (theo Mẫu số 01/KBCB kèm theo Quyết định 6556/QĐ-BYT) của bệnh nhân điều trị tại cơ sở y tế.”.

5. Sửa đổi khoản 1 Điều 6 như sau:

“1. Trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ, phê duyệt và thanh toán hỗ trợ:

a) Các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 của Quy định này khi điều trị nội trú tại các cơ sở y tế công lập trong tỉnh thì cơ sở y tế nơi đối tượng điều trị có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ, phê duyệt và thanh toán các khoản hỗ trợ chi phí khám, chữa bệnh (bao gồm tiền ăn, chi phí đi lại và một phần chi phí khám, chữa bệnh).

b) Các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 của Quy định này khi điều trị nội trú tại các bệnh viện ngoại tỉnh và bệnh viện tuyến trung ương thì trung tâm y tế cấp huyện, Bệnh viện đa khoa tỉnh, nơi các đối tượng được hỗ trợ có đăng ký hộ khẩu thường trú sẽ có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ, phê duyệt và thanh toán các khoản hỗ trợ chi phí khám, chữa bệnh (bao gồm tiền ăn, chi phí đi lại và một phần chi phí khám, chữa bệnh).”.

6. Sửa đổi Mẫu số 01, Mẫu số 02 như sau:

“Mẫu số 01, Mẫu số 02 theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.”

Điều 2. Thay thế cụm từ của Quy định về hỗ trợ khám, chữa bệnh cho người nghèo trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 362/2014/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang

Thay thế cụm từ “Bệnh viện công lập” thành “cơ sở y tế công lập” tại khoản 1 Điều 3; khoản 1, khoản 2, điểm b khoản 4 Điều 4; điểm a khoản 2 Điều 6; khoản 9, khoản 10 Điều 7.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2022.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Y tế; Tài chính; Lao động - Thương binh và Xã hội; Trưởng Ban Dân tộc tỉnh; Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện/thành phố; Ban Quản lý Quỹ khám, chữa bệnh cho người nghèo tỉnh; Giám đốc Bệnh viện đa khoa, bệnh viện chuyên khoa tuyến tỉnh và Trung tâm Y tế cấp huyện trên địa bàn tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định./.

Nơi nhận:

- Như khoản 2 Điều 3;
- Vụ Pháp luật - Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế các Bộ: Y tế, Tài chính, LĐ-TB và XH;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh Bắc Giang;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; các Ban của HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- VP UBND tỉnh;
- + LĐVP, các phòng, đơn vị, TTTT;
- + Lưu: VT, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Mai Sơn

**Phụ lục**

Ban hành kèm theo Quyết định số 75 /2021/QĐ-UBND ngày 27 tháng 2 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

- Mẫu số 01: Đơn đề nghị hỗ trợ chi phí khám, chữa bệnh.
- Mẫu số 02: Bảng kê chi tiết hỗ trợ chi phí khám, chữa bệnh cho người nghèo.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CHI PHÍ KHÁM, CHỮA BỆNH

Kính gửi:.....

Tên tôi là:..... sinh ngàytháng năm

Địa chỉ:.....Xã/phường/thị trấn.....
huyện/thành phố.....tỉnh Bắc Giang.

Điện thoại:.....

Thuộc đối tượng:.....

Mã số thẻ bảo hiểm y tế:.....

Căn cứ Quyết định số 362/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quy định về hỗ trợ khám, chữa bệnh cho người nghèo trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Quyết định số /2021/QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về hỗ trợ khám, chữa bệnh cho người nghèo trên địa bàn tỉnh Bắc Giang và Mẫu số 01, Mẫu số 02 ban hành kèm theo Quyết định số 362/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND tỉnh Bắc Giang.

Tôi bị mắc bệnh:.....

Nơi điều trị:.....

Thời gian điều trị:.....

Tôi viết đơn này đề nghị Bệnh viện/Trung tâm Y tế hỗ trợ cho tôi chi phí khám, chữa bệnh theo Quy định về hỗ trợ khám, chữa bệnh cho người nghèo trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Tôi xin chân thành cảm ơn./.

.....ngày..... tháng.....năm.. ..

NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký, ghi rõ họ tên)

**BẢNG KÊ CHI TIẾT HỖ TRỢ CHI PHÍ
KHÁM, CHỮA BỆNH CHO NGƯỜI NGHÈO**

| Họ và tên | Thuộc đối tượng | Mắc bệnh | Hỗ trợ tiền đi lại | | | Hỗ trợ tiền ăn | | | Số tiền đồng chi trả, tự trả khi sử dụng các thuốc, vật tư y tế áp dụng tỷ lệ thanh toán đối với người bệnh có BHYT và chi trả từ 1 triệu đồng trở lên đối với người bệnh không có BHYT | | | Tiền mua vật tư y tế (phần người bệnh đồng chi trả) | Tổng số tiền được nhận | Ký nhận |
|-----------|-----------------|----------|--------------------|----------|---------|------------------|----------|---------|---|------------|------------------------------|---|------------------------|---------|
| | | | Số km | Định mức | Số tiền | Số ngày điều trị | Định mức | Số tiền | Tổng số | Quỹ hỗ trợ | Phần người bệnh phải chi trả | | | |
| A | B | C | 1 | 2 | 3=1x2 | 4 | 5 | 6=4x5 | 7=8+9 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
| | | | | | | | | | | | | | | |
| Cộng | | | | | | | | | | | | | | |

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

Ghi chú:

- Đối với đối tượng khám, chữa bệnh tại cơ sở y tế công lập trong tỉnh: cột 11=3+6
- Đối với đối tượng khám, chữa bệnh tại các Bệnh viện ngoại tỉnh và Bệnh viện tuyến Trung ương: cột 11 = 3+6+8+10
- Cột 12: Người nhận tiền phải ký và ghi rõ họ tên, nếu không biết chữ phải điểm chỉ.